

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 119/2022/DS-ST
Ngày: 12-8-2022
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Thực;

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Hiền;

- Ông Nguyễn Văn Thông.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Luận - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cai Lay tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Công E - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 35/2021/TLST-DS ngày 15 tháng 01 năm 2021 về tranh chấp “Quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 166/2022/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Phạm Văn Tùng E, sinh năm 1979; cư trú tại: Ấp 6, xã T3, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Võ Văn K, sinh năm 1963; cư trú tại: Ấp 6, xã T3, huyện C, Tiền Giang. (Vắng mặt)

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Phạm Văn D, sinh năm 1947; cư trú tại: Ấp 6, xã T3, huyện C, Tiền Giang. (Có mặt)

2. Bà Phạm Thị D1, sinh năm 1963; cư trú tại: Ấp 6, xã T3, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (Xin vắng mặt)

3. Ông Phạm Văn M, sinh năm 1965; cư trú tại: Ấp Mỹ Phú, xã Phú Điền, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

4. Anh Phạm Văn T1, sinh năm 1977;

5. Anh Phạm Văn U, sinh năm 1984; (Có mặt)

Cùng cư trú tại: Ấp 6, xã T3, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Văn M, anh Phạm Văn T1, anh Phạm Văn U: Anh Phạm Văn T1 E, sinh năm 1979; Địa chỉ: Ấp 6, xã T3, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Theo văn bản ủy quyền lập ngày 08-4-2021. (Có mặt)

6. Bà Phạm Thị X1, sinh năm 1965; (Vắng mặt)

7. Anh Võ Văn T2, sinh năm 1984; (Vắng mặt)

8. Anh Võ Văn B, sinh năm 1995; (Vắng mặt)

9. Anh Võ Văn K2, sinh năm 1982; (Vắng mặt)

10. Anh Võ Cà M1, sinh năm 1988; (Vắng mặt)

Cùng cư trú tại: Ấp 6, xã T3, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết tại Tòa án, nguyên đơn, anh Phạm Văn Tùng E trình bày:

Cha anh là ông Phạm Văn X, sinh năm 1940, chết năm 2014, mẹ anh là bà Lê Thị S, sinh năm 1940, chết năm 2018. Ông X, bà S có 05 người con gồm anh và bà Phạm Thị D1, ông Phạm Văn M, Phạm Văn T1, Phạm Văn U. Vào khoảng năm 1990, cha mẹ anh có nhận chuyển nhượng của ông Phạm Văn D phần đất khoảng 1.500m² và sau đó cha mẹ anh tặng cho anh phần đất này. Đến năm 2015 anh cất nhà ở trên đất. Tuy nhiên, việc nhận chuyển nhượng đất của ông D chưa làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông Võ Văn K cũng mua của ông D một phần đất giáp ranh, đến khi ông K làm thủ tục chuyển nhượng đất từ ông D sang cho ông K thì ông K lại đăng ký kê khai luôn phần đất mà cha mẹ của anh đã mua của ông D. Đến năm 2019, anh phát hiện sự việc thì có yêu cầu ông K thực hiện sang tên lại nhưng ông K chỉ cho mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để đo, khi đo xong thì hộ ông K không ký tên để anh tiến hành đăng ký quyền sử dụng đất mới nên hai bên tranh chấp. Giữa anh và ông K, bà X1 (Vợ ông K) đều thống nhất ranh giới giữa hai bên, canh tác sử dụng ổn định từ trước đến nay. Do đó, nay anh yêu cầu ông K và các thành viên trong hộ phải thực hiện việc sang tên quyền sử dụng đất của anh lại cho anh là một phần của thửa đất số 15, tờ bản đồ 32 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H07090 ngày 20-02-2008 của Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho hộ ông K, anh có quyền tự liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo kết quả đo đạc hiện trạng của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C, phần đất qua đo đạc thực tế có diện tích 859,2m², được ghi chú số 2 trên Bản đồ địa chính khu đất (Trích đo) ngày 29-11-2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C. Trên phần đất này,

anh đã cất một căn nhà cấp 4 xây tường, mái lợp tôn kiên cố. Đồng thời, ghi nhận sự tự nguyện của những người thuộc hàng thừa kế của ông Phạm Văn X đồng ý giao cho anh phần đất 66,6m² được ghi chú số 1 trên Bản đồ địa chính khu đất (Trích đo) ngày 29-11-2021 nêu trên.

Bị đơn, ông Võ Văn K trình bày: Thừa đất số 15, tờ bản đồ 32 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H07090 ngày 20-02-2008 của Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho hộ của ông có nguồn gốc là mua của ông Phạm Văn D. Hiện nay trong giấy đất của ông có một phần đất của anh Phạm Văn Tùng E, ranh giới quyền sử dụng đất giữa hai bên được hai bên thống nhất (Thống nhất 03 trụ ranh, hai trụ giáp ranh với ông và 01 trụ nằm phía sau bên còn lại cũng giáp với đất của ông) và sử dụng ổn định từ trước đến nay. Do ông mua của ông D 2.710m² nay đo lại là đủ, nếu cất một phần cho anh Tùng E thì sẽ thiếu, còn chiều dài phần mặt tiền thì dài 55,03m, trong đó phần của anh Tùng E khoảng 15m. Ông yêu cầu việc cấp giấy đất cho anh Tùng E không làm ảnh hưởng đến đất của ông. Đối với bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông, hiện con ông thế chấp vay vốn, còn vay ở đâu thì ông không rõ, ông không cung cấp bản chính cho Tòa án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Bà Phạm Thị X1 trình bày: Bà thống nhất lời trình bày của ông K.

- Ông Phạm Văn D trình bày: Sự việc như anh Tùng E trình bày là đúng, trước đây ông có bán cho cha mẹ anh Tùng E 1.500m² đất, sau này làm lộ, kênh lở nên giảm còn bao nhiêu ông không biết. Ông cũng có bán cho ông K một phần đất diện tích bao nhiêu ông không nhớ mà hiện nay hộ ông K đang sử dụng giáp ranh với đất anh Tùng E. Giữa ông K, bà X1 và anh Tùng E thống nhất ranh giới với nhau, ông không có ý kiến gì về việc giải quyết vụ án.

- Ông Phạm Văn M, anh Phạm Văn Tùng, anh Phạm Văn U có đại diện theo ủy quyền là anh Phạm Văn Tùng E trình bày: Việc cha mẹ tặng cho phần đất theo đo đạc hiện trạng mà nay anh Tùng E tranh chấp với ông K là đúng sự thật. Ranh giới phần đất của anh Tùng E và phần còn lại của ông X nay do anh U quản lý sử dụng là đúng theo ranh như đo đạc, các bên thống nhất với ranh giới này. Đồng ý giao phần 66,6m² được ký hiệu số 1 trên bản đồ địa chính nêu trên cho anh Tùng E được đăng ký kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Bà Phạm Thị D1 trình bày: Phần đất mà anh Tùng E yêu cầu công nhận là của cha mẹ bà mua của ông D và sau đó để lại cho anh Tùng E, các anh chị E trong nhà và bà đều thống nhất, anh Tùng E đã cất nhà và quản lý đất từ khi cha mẹ cho đến nay bà không có ý kiến, yêu cầu gì.

Tại phiên tòa,

- Anh Phạm Văn Tùng E vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu buộc ông Võ Văn K và các thành viên trong hộ gồm bà Phạm Thị X1, anh Võ Văn T2, Võ Văn B, Võ Văn K2 và Võ Cà M1 phải thực hiện thủ tục chuyển quyền sử dụng đất cho anh đối với phần đất qua đo đạc thực tế có diện tích 859,2m², được ghi chú số 2 trên Bản đồ địa chính khu đất (Trích đo) ngày 29-11-2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C là một phần của thửa đất số 15, tờ bản đồ số 32, tổng diện tích 2.710m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H07090 ngày 20-02-2008 của Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho hộ ông Võ Văn K. Giữa anh Tùng E và những người thừa kế còn lại của ông X gồm anh U, anh Tùng, ông M và bà D1 thống nhất phần diện tích 66,6m² được ghi chú số 1 trên Bản đồ địa chính khu đất (Trích đo) ngày 29-11-2021 nêu trên được cha mẹ cho anh nên yêu cầu ghi nhận cho anh được đăng ký kê khai. Anh đồng ý tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng.

- Anh Phạm Văn U xác định phần đất 859,2m² mà anh Tùng E yêu cầu giải quyết là của cha mẹ anh là ông X, bà S tặng cho anh Tùng E được tất cả các anh chị E trong nhà gồm anh, bà D1, ông M, anh Tùng đồng ý và anh U cũng đồng ý giao phần đất 66,6m² được ghi chú số 1 trên Bản đồ địa chính khu đất (Trích đo) ngày 29-11-2021 nêu trên cho anh Tùng E.

- Ông Phạm Văn D có ý kiến xác nhận phần đất 859,2m² mà anh Tùng E yêu cầu hộ ông K phải chuyển lại quyền sử dụng đất cho anh Tùng E là của ông sang nhượng cho ông X, bà S nhưng ông K đăng ký kê khai và được cấp giấy chứng nhận. Do đó, yêu cầu Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Tùng E.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự từ khi thụ lý đến trước khi nghị án đã tuân thủ đúng quy định pháp luật. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Phạm Văn Tùng E yêu cầu ông Võ Văn K và các thành viên trong hộ thực hiện việc chuyển quyền sử dụng đất lại cho anh đối với phần đất 859,2m² tại ấp 6, xã T3, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp “Quyền sử dụng đất” và thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn, ông Võ Văn K và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị X1, anh Võ Văn T2, Võ Văn B, Võ Văn K2, Võ Cà M1 không có

đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Bà Phạm Thị D1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự đã nêu.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Nguồn gốc thửa đất số 15, tờ bản đồ số 32, tổng diện tích 2.710m² tại ấp 6, xã T3, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H07090 ngày 20-02-2008 của Ủy ban nhân dân huyện Cai Lậy cấp cho hộ ông Võ Văn K là do phía ông K nhận chuyển nhượng của ông Phạm Văn D. Trong thửa đất 15 này, có một phần đất 859,2m² được ghi chú số 2 trên Bản đồ địa chính khu đất (Trích đo) ngày 29-11-2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Cai Lậy mà nay anh Phạm Văn Tùng E đang quản lý sử dụng là của ông Phạm Văn X cũng cùng nhận chuyển nhượng của ông D. Việc ông X tặng cho phần đất này cho anh Tùng E được anh Tùng E và tất cả hàng thừa kế còn lại của ông X, bà S là bà Phạm Thị D1, ông Phạm Văn M, Phạm Văn T1, Phạm Văn U thống nhất. Phía ông K và anh Tùng E đều thống nhất ranh giới đối với hai phần đất mà mỗi bên đang sử dụng, không có tranh chấp. Trong quá trình hòa giải tại tòa, ông K thừa nhận chiều dài phần mặt tiền thửa 15 là 55,03m, trong đó phần của anh Tùng E khoảng 15m, phần còn lại là của ông. Do đó, có đủ cơ sở xác định phần đất 859,2m² nêu trên nằm trong thửa đất số 15 của ông K là của ông X và ông X đã tặng cho anh Tùng E quản lý sử dụng ổn định từ trước đến nay. Vì vậy, anh Tùng E yêu cầu ông K và các thành viên trong hộ phải thực hiện việc chuyển quyền sử dụng đất đối với phần đất 859,2m² nêu trên là có căn cứ. Phía ông K có ý kiến cho rằng việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Tùng E không được làm giảm diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông là không có cơ sở. Ngoài ra, ông K còn cho rằng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông hiện do con ông đang thế chấp vay vốn nhưng qua xác minh tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Cai Lậy thì thửa đất 15 của ông không có đăng ký giao dịch B đảm.

[4] Đối với phần đất 66,6m² được ghi chú số 1 trên Bản đồ địa chính khu đất (Trích đo) ngày 29-11-2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Cai Lậy hiện đang do anh Tùng E quản lý sử dụng. Tuy nhiên, phần đất này lại thuộc thửa đất số 14 của ông Phạm Văn X đứng tên. Giữa anh Tùng E và bà Phạm Thị D1, ông Phạm Văn M, Phạm Văn T1, Phạm Văn U là hàng thừa kế thứ nhất của ông X đều thống nhất xác định phần này đã được ông X tặng cho anh Tùng E. Do đó, cần ghi nhận ý kiến tự nguyện này của các đương sự, công nhận cho anh Tùng E được quyền đăng ký kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[5] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên trả lại tạm ứng án phí cho anh Phạm Văn Tùng E. Ông Võ Văn K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định tại khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6] Về chi phí tố tụng khác: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản là 3.000.000 đồng, anh Phạm Văn Tùng E tự nguyện chịu nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy là phù hợp với lời trình bày của đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 163, Điều 164 và 166 của Bộ luật Dân sự; Điều 166, 170, 179 của Luật Đất đai; khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Văn Tùng E.

Buộc ông Võ Văn K và các thành viên trong hộ ông K gồm: bà Phạm Thị X1, anh Võ Văn T2, Võ Văn B, Võ Văn K2 và Võ Cà M1 phải làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất cho anh Phạm Văn Tùng E đối với phần đất có diện tích 859,2m², được ghi chú số 2 trên Bản đồ địa chính khu đất (Trích đo) ngày 29-11-2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Cai Lậy là một phần của thửa đất số 15, tờ bản đồ số 32, tổng diện tích 2.710m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H07090 ngày 20-02-2008 của Ủy ban nhân dân huyện Cai Lậy cấp cho hộ ông Võ Văn K. Đất tại ấp 6, xã T3, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Có tứ cận:

- Hướng Đông giáp: Phần còn lại của thửa 15 của hộ ông Võ Văn K, dài 15,26m;

- Hướng Tây giáp: Đường bê tông, dài 16,7m;

- Hướng Nam giáp: Phần còn lại của thửa 15 của hộ ông Võ Văn K, dài 52,43m;

- Hướng Bắc giáp: Thửa đất số 14 của ông Phạm Văn X, dài 57,36m.

Có sơ đồ kèm theo là Bản đồ địa chính khu đất (Trích đo) ngày 29-11-2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

2. Ghi nhận sự thỏa thuận giữa anh Phạm Văn Tùng E và bà Phạm Thị D1, ông Phạm Văn M, anh Phạm Văn T1, anh Phạm Văn U. Công nhận cho anh Phạm Văn Tùng E được quyền sử dụng phần đất có diện tích 66,6m² được ghi chú số 1 trên Bản đồ địa chính khu đất (Trích đo) ngày 29-11-2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang là một phần của thửa đất số 14, tờ bản đồ số 32 theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số H05440 ngày 27-10-2005 của Ủy ban nhân dân huyện Cai Lậy cấp cho hộ ông Phạm Văn X. Đất tại ấp 6, xã T3, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Có tứ cận:

- Hướng Đông giáp: Phần còn lại của thửa 15 của hộ ông Võ Văn K, và thửa đất 14 của ông Phạm Văn X;

- Hướng Tây giáp: Đường bê tông, dài 2,42m;

- Hướng Nam giáp: Phần đất anh Tùng E được quyền sử dụng nêu tại phần trên, dài 57,36m;

- Hướng Bắc giáp: Phần còn lại của thửa đất số 14 của ông Phạm Văn X, dài 58,1m.

Có sơ đồ kèm theo là Bản đồ địa chính khu đất (Trích đo) ngày 29-11-2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

3. Anh Phạm Văn Tùng E được quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất 859,2m² và phần đất 66,6m² được công nhận nêu trên.

Hộ ông Võ Văn K và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền có nghĩa vụ điều chỉnh lại diện tích thửa đất 15, tờ bản đồ số 32, tại ấp 6, xã T3, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H07090 ngày 20-02-2008 của Ủy ban nhân dân huyện Cai Lậy cấp cho hộ ông Võ Văn K theo diện tích thực tế còn lại.

Anh Phạm Văn Tùng E, bà Phạm Thị D1, ông Phạm Văn M, anh Phạm Văn Tùng, anh Phạm Văn U (Hàng thừa kế thứ nhất của ông X, bà S) và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền có nghĩa vụ điều chỉnh lại diện tích thửa đất 14, tờ bản đồ số 32, tại ấp 6, xã T3, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H05440 ngày 27-10-2005 của Ủy ban nhân dân huyện Cai Lậy cấp cho hộ ông Phạm Văn X theo diện tích thực tế còn lại.

4. Về án phí và chi phí tố tụng:

Anh Phạm Văn Tùng E không phải chịu án phí nên được nhận lại 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ

phí Tòa án số 0006359 ngày 15-01-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Ông Võ Văn K phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh Phạm Văn Tùng E tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng (xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản) 3.000.000 (Ba triệu) đồng, anh Tùng E đã nộp tạm ứng 3.000.000 (Ba triệu) đồng, được trừ vào chi phí thực tế nên xE như thi hành xong.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự (Hoặc đương sự có người đại diện theo ủy quyền) có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Thời hạn kháng cáo của các đương sự vắng mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Nguyễn Anh Thực